

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 14-8-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Bà Bùi Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 28/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:

1. Ông Nông Quang H1, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Huỳnh Ngô Xuân B, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Bà H có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 23/8/2022 ông Nông Quang H1 và ông Huỳnh Ngô Xuân B có vay của bà H số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất là 24.000.000 đồng/1 tháng và

hẹn 02 tháng sẽ trả, ông H đã trả cho bà được 04 tháng tiền lãi tương đương số tiền 96.000.000 đồng. Sau đó ông H1, ông B không trả gốc và lãi cho bà. Đến ngày 8/10/2023 bà N mẹ ông B đã trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng hiện nay vẫn còn 400.000.000 đồng nH1 ông H1 và ông B vẫn không trả nữa. Nay bà yêu cầu như sau:

+ Ông Nông Quang H1 trả cho bà số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc đã vay và tiền lãi vay phát sinh từ 400.000.000 đồng như đã thoả thuận từ ngày 23/12/2022 đến 13/03/2024 là 16 tháng với số tiền là 106.000.000 đồng. Tổng số tiền là 506.000.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Ngô Xuân B trả cho bà số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/12/2022 đến ngày 8/10/2023 của số tiền gốc 400.000.000 đồng là 73.480.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nông Quang H1 trình bày: Ông xác nhận có vay của bà H số tiền 800.000.000 đồng và đồng hẹn hai tháng sẽ trả cho bà H, hai bên thoả thuận lãi suất là 24.000.000 đồng/ 01 tháng/800.000.000 đồng, ông đã trả cho bà H được 04 tháng tiền lãi. Do khó khăn trong làm ăn nên ông đồng ý cầm trả thửa đất số 169, 170 và 171 tờ bản đồ số 21 địa chỉ thửa đất ở Tổ dân phố 2, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên cho ông B để ông B trả nợ 1.450.000.000 đồng cho ngân hàng HD Bank Chi nhánh B Lộc lấy sổ ra và trả nợ cho bà H 1.000.000.000 đồng để ông sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Tuy nhiên đến nay ông B vẫn không trả nợ cho bà H thay ông. Đối với yêu cầu của bà H thì ông không đồng ý thanh toán khoản nợ gốc và lãi vay là 506.000.000 đồng cho bà H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2024 ông H1 trình bày do hiện nay ông H1 đang bị tạm giam và sẽ phải chấp hành án nên khi nào chấp hành án xong ông H1 sẽ xử lý tài sản là đất đai để trả nợ cho bà H, đồng thời xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Ngô Xuân B trình bày: Ông B xác định toàn bộ khoản vay 800.000.000 đồng tiền gốc mà bà H khởi kiện không liên quan gì đến ông B, ông chỉ là người dẫn ông H1 đến nhà bà H để vay tiền, toàn bộ số tiền mà ông H1 vay ông B không được thụ hưởng gì mà ông H1 là người được thụ hưởng. Tuy nhiên sau khi bà H gửi đơn tố cáo lên Công an nhằm để ổn định công tác ông B đã nhờ bố mẹ trả cho bà H $\frac{1}{2}$ số nợ của 800.000.000 đồng tiền gốc, tương đương số tiền 400.000.000 đồng, nên ông B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Nông Quang H1 trả 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 20%/1 năm từ ngày 23/12/2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Huỳnh Ngô Xuân B đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của bà H nên bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Ngô Xuân B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Thấy rằng số tiền lãi ông H1 đã trả cho bà H vượt quá lãi suất của Nhà nước quy định do đó cần thiết phải điều chỉnh lại cho phù hợp, cầm trả phần tiền lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc đã vay. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 464, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nông

Quang H1 có nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị H số tiền 501.099.872 đồng (trong đó: 378.560.000 đồng tiền gốc và 122.593.872 tiền lãi). Đình chỉ giải quyết đối với việc nguyên đơn khởi kiện ông Huỳnh Ngô Xuân B.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nông Quang H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận cần phải chịu án phí tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn Cn nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên. Bị đơn ông Nông Quang H1 xin vắng mặt tại phiên Tòa, ông Huỳnh Ngô Xuân B vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy vay tiền ngày 23/8/2022 thể hiện bà Nguyễn Thị H cho ông Nông Quang H1 vay số tiền 800.000.000 đồng không ghi thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận, người vay ký ghi rõ họ tên là ông Nông Quang H1, ông Huỳnh Ngô Xuân B. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nông Quang H1 trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc là 400.000.000 đồng cùng tiền lãi từ ngày 23/12/2022 đến 13/03/2024 là 16 tháng tương đương số tiền là 106.000.000 đồng, yêu cầu ông Huỳnh Ngô Xuân B trả tiền lãi từ ngày 23/12/2022 đến ngày 08/10/2023 của số tiền gốc 400.000.000 đồng là 73.480.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Nông Quang H1 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2024 ông H1 trình bày do hiện nay ông H1 đang bị tạm giam và sẽ phải chấp hành án nên khi nào chấp hành án xong ông H1 sẽ xử lý tài sản là đất đai để trả nợ cho bà H. Còn bị đơn ông Huỳnh Ngô Xuân B cho rằng toàn bộ số tiền trên do ông H1 đứng ra mượn, ông B không được hưởng lợi gì từ số tiền vay. Tuy nhiên trong quá trình vay mượn vào ngày 08/10/2023 ông B đã trả cho bà H số tiền gốc 400.000.000 đồng, ngày 10/8/2024 ông B trả số tiền 70.000.000 đồng tiền lãi, bà H xác định ông B đã trả xong hết phần nghĩa vụ nên đã rút yêu cầu khởi kiện ông B tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy mượn tiền ngày 23/8/2022 thì giữa các đương sự có xác lập giao dịch vay mượn số tiền 800.000.000 đồng, ông H1 cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H, ông B cho rằng không được hưởng lợi từ số tiền các bên giao dịch nH1 cũng đã tự nguyện trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Như vậy việc các bên có giao dịch với nhau số tiền 800.000.000 đồng là sự thật và không cần phải chứng minh. Do ông B đã tự nguyện thanh toán cho bà H 400.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 08/10/2023 nên bà H yêu cầu ông H1 trả 400.000.000 đồng tiền gốc còn lại thì thấy rằng: Trong quá trình thực hiện hợp

đồng vay mượn, ông H1 và ông B đã trả cho bà H 04 tháng từ ngày 23/8/2022 đến ngày 22/12/2022 mỗi tháng là 24.000.000 đồng x 4 tháng = 96.000.000 đồng. Số lãi này vượt quá lãi suất theo nhà nước quy định nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp và số tiền lãi vượt quá này sẽ được cân trừ vào số tiền gốc. Cụ thể như sau: $1,66\%/1 \text{ tháng} \times 800.000.000 \text{ đồng} = 13.280.000 \times 4 \text{ tháng} = 53.120.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi vượt quá là: $96.000.000 - 53.120.000 = 42.880.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi vượt quá sẽ được khấu trừ qua nợ gốc là: $800.000.000 - 42.880.000 = 757.120.000 \text{ đồng}$. Do vậy Hội đồng xét xử xác định số nợ gốc 757.120.000 đồng nên chỉ chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H1 và ông B mỗi người phải chịu một nửa: $757.120.000 \text{ đồng} / 2 = 378.560.000 \text{ đồng tiền gốc}$.

Xét việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu Nông Quang H1 trả nợ, Hội đồng xét xử xác định như sau:

+ Ông Nông Quang H1 trả cho bà số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/12/2022 đến 13/03/2024 là 16 tháng với số tiền là 106.000.000 đồng. Tổng số là 506.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi cân trừ số tiền lãi vượt quá ông H1 còn phải thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc là 378.560.000 đồng. Ông H1 phải trả lãi số tiền nợ gốc 757.120.000 từ ngày 23/12/2022 đến ngày 08/10/2023 là 9 tháng 15 ngày, cụ thể như sau: $757.120.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 9 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 119.397.824 \text{ đồng}$. Số lãi này sẽ được chia đôi với ông B, $119.397.824 \text{ đồng} / 2 = 59.698.912 \text{ đồng}$. Ông H1 phải chịu lãi suất của số tiền nợ 378.560.000 đồng từ ngày 09/10/2023 đến ngày 04/7/2024 là 08 tháng 26 ngày, số tiền lãi sẽ là $378.560.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 62.840.960 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nông Quang H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng cả gốc và lãi ông H1 phải chịu là: $378.560.000 \text{ đồng} + 59.698.912 \text{ đồng} + 62.840.960 \text{ đồng} = 501.099.872 \text{ đồng}$.

Xét việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu Huỳnh Ngô Xuân B trả nợ, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Tại phiên tòa bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Ngô Xuân B vì cho rằng ông B đã thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà H là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bị đơn là ông Huỳnh Ngô Xuân B theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn ông Nông Quang H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà H. Phần yêu cầu còn lại của bà H đối với ông H1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định như vậy là phù hợp theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 464, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn là ông Nông Quang H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

1.1 Buộc ông Nông Quang H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 501.099.872 đồng (trong đó: 378.560.000 đồng tiền gốc và 122.593.872 tiền lãi).

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3 Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Huỳnh Ngô Xuân B. Bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

3/Về án phí: Buộc ông Nông Quang H1 phải chịu 24.043.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Nga Nguyễn Thị Thu Hương

Hứa Sơn Tùng

